

Số: 18 /CV-HĐQT
(V/v giải trình công bố thông tin)

Tp. Cao Lãnh, ngày 04 tháng 04 năm 2016

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

Công Ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp (DOP) xin gửi tới Quý Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội lời chào trân trọng nhất.

Ngày 03 tháng 03 năm 2016, Công Ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp đã được Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam tiến hành kiểm toán.

Ngày 25 tháng 03 năm 2016 Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam kiểm toán xong và trả kết quả cho công ty chúng tôi.

Ngày 30 tháng 03 năm 2016, Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp thực hiện công bố thông tin. Vì vậy, so với ngày ghi trên báo cáo kiểm toán thì việc công bố thông tin đã trễ so với qui định. Nguyên nhân là do Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam ghi sai ngày 03 tháng 03 năm 2016 trên báo cáo kiểm toán là ngày tiến hành kiểm toán, không phải là ngày trả kết quả. Trên thực tế thì công ty chúng tôi nhận được kết quả là ngày 25 tháng 03 năm 2016.

Trên đây, là những giải trình của Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp về việc công bố thông tin Báo cáo kiểm toán năm 2015. Rất mong Quý Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội cảm thông.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK-HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Nguyễn Hoàng Quân

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc	Ngày 25 tháng 04 năm 2014
Ông Mai An Mỹ	Phó giám đốc	Ngày 25 tháng 04 năm 2014

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Giám đốc	Ngày 25 tháng 04 năm 2014

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Lê Thị Hồng

LÊ THỊ HỒNG
Chủ tịch

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 03 năm 2016



Số: 041/2016/BCKT- CT.0025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp ("Công ty"), được lập ngày 03 tháng 03 năm 2016, từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA
Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

TP. Cần Thơ, ngày 03 tháng 03 năm 2016

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2013-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		10.145.598.885	13.513.087.103
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	2.422.840.953	5.682.123.403
Tiền	111		2.422.840.953	5.682.123.403
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.669.383.985	7.320.191.287
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.187.063.205	3.396.579.104
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	2.432.340.000	2.940.600.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	1.049.980.780	983.012.183
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		53.373.947	293.812.862
Hàng tồn kho	141	5.5	53.373.947	293.812.862
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		-	216.959.551
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	102.421.640
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	114.537.911
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.831.398.946	54.909.580.989
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		49.406.892.426	41.586.872.852
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	49.040.892.426	41.220.872.852
Nguyên giá	222		80.710.457.225	67.774.123.181
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.669.564.799)	(26.553.250.329)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	366.000.000	366.000.000
Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		181.291.000	1.933.542.273
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	181.291.000	1.933.542.273
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	9.552.975.886	9.552.975.886
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		15.805.976.460	15.805.976.460
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(6.253.000.574)	(6.253.000.574)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.690.239.634	1.836.189.978
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	1.690.239.634	1.836.189.978
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.976.997.831	68.422.668.092

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
NỢ PHẢI TRẢ	300		6.993.307.135	4.846.392.479
Nợ ngắn hạn	310		5.387.307.135	4.846.392.479
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	622.756.078	718.456.777
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	602.997.830	80.632.620
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	728.576.045	848.660.519
Phải trả người lao động	314		1.238.834.559	791.512.031
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	211.831.659	697.241.630
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	49.914.365	1.766.868.041
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16.1	1.730.006.550	-
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.17	202.390.049	(56.979.139)
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		1.606.000.000	-
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16.2	1.606.000.000	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		63.983.690.696	63.576.275.613
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	63.983.690.696	63.576.275.613
Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.705.100.000	43.705.100.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.705.100.000	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.412.000	4.412.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.609.374.058	9.673.110.870
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		735.528.390	735.528.390
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		8.929.276.248	9.458.124.353
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>			-	-
<i>lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		1.466.883.977	575.592.475
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		7.462.392.271	8.882.531.878
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.976.997.831	68.422.668.092

clal



LÊ THỊ THANH
Người lập biểu

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	48.929.162.598	51.154.550.897
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		48.929.162.598	51.154.550.897
Giá vốn hàng bán	11	6.2	15.657.370.061	18.170.745.071
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.271.792.537	32.983.805.826
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.490.438.805	1.033.457.032
Chi phí tài chính	22	6.4	52.181.931	1.303.220.644
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	16.288.907.684	15.749.068.089
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	8.946.541.231	9.065.768.931
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.474.600.496	7.899.205.194
Thu nhập khác	31	6.7	167.975.264	3.866.118.637
Chi phí khác	32		-	35.357.579
Lợi nhuận khác	40		167.975.264	3.830.761.058
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.642.575.760	11.729.966.252
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.16	1.806.683.489	2.367.334.374
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.835.892.271	9.362.631.878
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.793	1.928

clal

LÊ THỊ THANH
Người lập biểu

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		9.642.575.760	11.729.966.252
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		5.116.314.470	4.868.734.954
Các khoản dự phòng	03		-	1.302.424.061
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(15.879.085)	(9.430.961)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.444.087.014)	(4.492.630.788)
Chi phí lãi vay	06		48.585.299	-
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		13.347.509.430	13.399.063.518
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(132.233.147)	(1.545.639.570)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		240.438.915	(47.391.490)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.083.612.474)	(1.130.513.673)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		145.950.344	286.354.680
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(48.585.299)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.171.532.097)	(3.460.193.882)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.050.394.000)	(1.746.095.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.247.541.672	5.755.584.458
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.184.082.771)	(1.933.542.273)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	6.727.272.727
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3.342.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.444.087.014	1.016.159.922
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.739.995.757)	2.467.890.376

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215 - 217, đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	6.569.025.380	-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.233.018.830)	-	-
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.118.714.000)	(5.356.956.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.782.707.450)	(5.356.956.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.275.161.535)	2.866.518.834
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.682.123.403	2.806.173.608
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	15.879.085	9.430.961	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		2.422.840.953	5.682.123.403

csat

LÊ THỊ THANH
Người lập biểu

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng



NGUYỄN HOÀNG QUÂN

Giám Đốc

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 03 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp ngày 27 tháng 10 năm 2004.

Trong quá trình hoạt động có sự thay đổi về vốn của Công ty đã được chuẩn y tại giấy phép đầu tư số 5103000024 ngày 30 tháng 04 năm 2007, số 5103000024 ngày 17 tháng 01 năm 2008. Do thêm ngành nghề kinh doanh Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 5 số 1400475345 ngày 07 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 6 số 1400475345 ngày 06 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần 7 số 1400475345 ngày 25 tháng 01 năm 2013.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyên.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán xăng dầu, nhớt.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 tổng số nhân viên của Công ty là 100 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 98 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ, trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm chủ yếu là chi phí phân bổ công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 14 năm

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

4.13 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.14 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty

Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp
Hội đồng Quản Trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

Quan hệ

Công ty mẹ
Thành viên chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt – VND	4.127.795	90.986.032
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- VND	1.718.855.674	4.530.753.697
- USD	699.857.484	1.060.383.674
	2.422.840.953	5.682.123.403
Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
Gốc ngoại tệ		VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		
- USD	31.182,51	699.857.484

5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu các bên liên quan	3.439.424.154	2.349.955.446
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	3.439.424.154	2.349.955.446
Phải thu các khách hàng khác	747.639.051	1.046.623.658
Công ty Thary (Campuchia)	190.576.445	-
Ông Lý Văn Danh	133.363.000	133.363.000
Ông Nguyễn Công Minh	98.223.200	98.223.200
Các khách hàng khác	325.476.406	815.037.458
	4.187.063.205	3.396.579.104

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước cho người bán khác		
Doanh nghiệp Tư nhân Tư Lai	2.200.000.000	2.940.600.000
Cơ sở sửa máy Tú Tuấn	210.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	22.340.000	-
	2.432.340.000	2.940.600.000

5.4 Phải thu ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu về tạm ứng	842.339.463	-	939.512.383	-
Phải thu tiền bồi thường	207.641.317	-	43.499.800	-
	1.049.980.780	-	983.012.183	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	53.373.947	-	293.812.862	-
	53.373.947	-	293.812.862	-

5.6 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2015	2.215.883.025	65.558.240.156	67.774.123.181
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	12.936.334.044	12.936.334.044
Tại ngày 31/12/2015	2.215.883.025	78.494.574.200	80.710.457.225
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2015	486.137.195	26.067.113.134	26.553.250.329
Khấu hao trong năm	158.277.359	4.958.037.111	5.116.314.470
Tại ngày 31/12/2015	644.414.554	31.025.150.245	31.669.564.799
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2015	1.729.745.830	39.491.127.022	41.220.872.852
Tại ngày 31/12/2015	1.571.468.471	47.469.423.955	49.040.892.426

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình theo sổ sách là 23.132.928.165 đã được thế chấp, cầm cố cho các khoản vay của Ngân hàng.

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất không thời hạn nên không trích khấu hao. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, giá trị quyền sử dụng đất được cầm cố bảo đảm các khoản vay tại ngân hàng.

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2015 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2015 VND
Đóng mới tàu Đồng Tháp 09	-	601.090.777	(601.090.777)	-
Hoán cải tàu Đồng Tháp 12	-	181.291.000	-	181.291.000
Hoán cải tàu Sông Tiền 26	157.415.000	1.741.285.190	(1.898.700.190)	-
Hoán cải tàu Đồng Tháp 09	1.776.127.273	8.660.415.804	(10.436.543.077)	-
	1.933.542.273	11.184.082.771	(12.936.334.044)	181.291.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.9 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	7.046.000.000	792.999.426	(6.253.000.574)	7.046.000.000	792.999.426	(6.253.000.574)
Công ty CP BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	2.626.576.460	-	2.626.576.460	2.626.576.460	-
Công ty CP Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-
Công ty CP Vận Tải Biển Khai Nguyễn	5.833.400.000	5.833.400.000	-	5.833.400.000	5.833.400.000	-
	15.805.976.460	9.552.975.886	(6.253.000.574)	15.805.976.460	9.552.975.886	(6.253.000.574)

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	2015 VND	2014 VND
Tại ngày 01/01/2015	(6.253.000.574)	(4.950.576.513)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(1.302.424.061)
Tại ngày 31/12/2015	(6.253.000.574)	(6.253.000.574)

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí sửa chữa tàu	1.690.239.634	1.787.649.978
Công cụ, dụng cụ	-	48.540.000
	1.690.239.634	1.836.189.978

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty CP Nhiên Liệu Đồng	209.821.870	-
Công ty Bảo Việt Đồng Tháp	-	222.600.000
Xí nghiệp Sơn Hải Âu	208.811.708	107.156.500
DNTN Hồng Sơn Vĩnh	-	118.085.000
Các nhà cung cấp khác	204.122.500	270.615.277
	622.756.078	718.456.777

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Xăng Dầu	580.815.600	-
Các khách hàng khác	22.182.230	80.632.620
	602.997.830	80.632.620

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2015		Số phát sinh trong năm		31/12/2015
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	848.660.519	-	1.162.524.400	(1.803.222.355)	207.962.564
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(114.537.911)	1.806.683.489	(1.171.532.097)	520.613.481
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	848.660.519	(114.537.911)	2.972.207.889	(2.977.754.452)	728.576.045

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng theo từng lĩnh vực theo quy định thuế suất thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2015 VND	2014 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.642.575.760	11.729.966.252
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(1.430.378.085)	(969.355.461)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(1.430.378.085)	(969.355.461)
Thu nhập tính thuế	8.212.197.675	10.760.610.791
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.806.683.489	2.367.334.374

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trích trước chi phí đi Campuchia	211.831.659	697.241.630
	211.831.659	697.241.630

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải trả các bên liên quan	-	1.337.372.000
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp – Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.337.372.000
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	49.914.365	429.496.041
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	49.914.365	1.121.549
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	428.374.492
	49.914.365	1.766.868.041

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.16 Vay ngắn hạn, dài hạn

5.16.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp (*)	926.006.550	926.006.550	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số 5.16.2)	804.000.000	804.000.000		
	1.730.006.550	1.730.006.550	-	-

(*) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Đồng Tháp theo hợp đồng số 477/2014-HĐTD/NHCT720-DOPETCO được ký kết ngày 30 tháng 09 năm 2015. Chi tiết như sau:

Hạn mức	: 5.000.000.000 VND
Mục đích	: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
Thời hạn vay	: Thời hạn cho vay từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 3 tháng
Lãi suất vay	: kỳ tính lãi đầu tiên là 9% sau đó có điều chỉnh lãi suất
Hình thức đảm bảo	: Sà lan chở dầu Đồng Tháp 10: giá trị còn lại tại 31/12/2015 là 3.969.848.733 VND
	: Sà lan chở dầu Đồng Tháp 11: giá trị còn lại tại 31/12/2015 là 5.517.474.114 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2015	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	-	3.233.018.830	804.000.000	(2.307.012.280)	1.730.006.550
	-	3.233.018.830	804.000.000	(2.307.012.280)	1.730.006.550

5.16.2 Vay dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp (*)	2.410.000.000	2.410.000.000	-	-
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	(804.000.000)	(804.000.000)	-	-
	1.606.000.000	1.606.000.000	-	-

(*) Đây là khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Đồng Tháp theo hợp đồng Số: số 34890.15.710.253842.TD được ký kết ngày 29 tháng 12 năm 2015.

Chi tiết như sau:

- Mục đích : Thanh toán chi phí hoán cải tàu dầu Đồng Tháp 12 - ĐT 22059
- Thời hạn vay : 36 tháng
- Lãi suất vay : kỳ tính lãi đầu tiên là 9% sau đó có điều chỉnh lãi suất
- Hình thức đảm
bảo : Thế chấp các tài sản sau:
 - Tàu SAVIMEX 09: giá trị còn lại tại 31/12/2015 là 13.645.605.318 VNĐ
 - Thửa đất số 268, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng công ty.
 - Thửa đất số 291, đường số 3 - KDC 43 căn, Phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Tài sản gắn liền với đất là Trụ sở văn phòng Công ty

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015			
Vay dài hạn ngân hàng			
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	2.410.000.000	804.000.000	1.606.000.000
	2.410.000.000	804.000.000	1.606.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn tại ngân hàng trong năm như sau:

	01/01/2015	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Quân Đội Việt Nam - CN Đồng Tháp	-	2.410.000.000	(804.000.000)	1.606.000.000
		2.410.000.000	(804.000.000)	1.606.000.000
5.17 Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
	01/01/2015	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	(140.027.594)	468.131.594	(241.581.319)	86.522.681
Quỹ phúc lợi	83.048.455	468.131.594	(435.312.681)	115.867.368
	(56.979.139)	936.263.188	(676.894.000)	202.390.049

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP
 Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")		VND		VND		VND		VND	
5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu		VND		VND		VND		VND	
	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng		
Năm trước									
Tại ngày 01/01/2014	43.705.100.000	4.412.000	5.513.510.120	2.915.631.479	735.528.390	11.048.638.858	63.922.820.847		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	9.362.631.878	9.362.631.878		
Trích lập quỹ trong năm	-	-	1.084.664.755	542.332.338	-	(1.626.997.093)	-		
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(576.198.279)	(576.198.279)		
Chi thù lao HĐQT&BKS	-	-	-	-	-	(290.100.000)	(290.100.000)		
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	-	(190.000.000)	(190.000.000)		
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(6.992.816.000)	(6.992.816.000)		
Giảm khác	-	-	-	(383.027.822)	-	-	(1.660.062.833)		
Tại ngày 31/12/2014	43.705.100.000	4.412.000	6.598.174.875	3.074.935.995	735.528.390	10.735.159.364	64.853.310.624		
Điều chỉnh hồi tố (*)	-	-	-	-	-	(1.277.035.011)	(1.277.035.011)		
Phân loại lại (**)	-	-	3.074.935.995	(3.074.935.995)	-	-	-		
Năm nay									
Tại ngày 01/01/2015	43.705.100.000	4.412.000	9.673.110.870	-	735.528.390	9.458.124.353	63.576.275.613		
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	7.835.892.271	7.835.892.271		
Trích lập các quỹ	-	-	936.263.188	-	-	(936.263.188)	-		
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(936.263.188)	(936.263.188)		
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(184.500.000)	(184.500.000)		
Chi thường ban điều hành	-	-	-	-	-	(189.000.000)	(189.000.000)		
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(6.118.714.000)	(6.118.714.000)		
Tại ngày 31/12/2015	43.705.100.000	4.412.000	10.609.374.058	-	735.528.390	8.929.276.248	63.983.690.696		
(*) Tiền thuế truy thu của các năm trước.									

(**) Phân loại lại số dư đầu năm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiết vốn góp của cổ đông sáng lập

	31/12/2015		01/01/2015	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp	22.289.560.000	51,00	22.289.560.000	51,00
Công ty TNHH Thương Mại Vận Tải Thành Lực	2.350.000.000	5,38	2.350.000.000	5,38
Cổ đông khác	19.065.540.000	43,62	19.065.540.000	43,62
	43.705.100.000	100,00	43.705.100.000	100,00

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.370.510	4.370.510
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	4.370.510
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 10 tháng 06 năm 2015 như sau:

	VND
• Chia cổ tức	6.118.714.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	936.263.188
• Trích khen thưởng phúc lợi	936.263.188

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

5.19.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND	Nguyên nhân xóa
Xóa nợ phải thu Trạm Xăng Dầu Sa Đéc	178.056.600	178.056.600	Do Công ty nhận thấy những khoản phải thu này không có khả năng thu hồi
	178.056.600	178.056.600	

5.19.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2015	01/01/2015
Dollar Mỹ (USD)	31.182,51	49.620,20

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
		2015	2014
		VND	VND
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.929.162.598	51.154.550.897
		<u>48.929.162.598</u>	<u>51.154.550.897</u>
6.2 Giá vốn hàng bán			
		2015	2014
		VND	VND
	Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.657.370.061	18.170.745.071
		<u>15.657.370.061</u>	<u>18.170.745.071</u>
6.3 Doanh thu hoạt động tài chính			
		2015	2014
		VND	VND
	Lãi tiền gửi	29.588.014	56.235.422
	Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.414.499.000	959.924.500
	Chênh lệch tỷ giá	46.351.791	17.297.110
		<u>1.490.438.805</u>	<u>1.033.457.032</u>
6.4 Chi phí hoạt động tài chính			
		2015	2014
		VND	VND
	Chi phí lãi vay ngân hàng	48.585.299	-
	Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.596.632	796.583
	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	1.302.424.061
		<u>52.181.931</u>	<u>1.303.220.644</u>
6.5 Chi phí bán hàng			
		2015	2014
		VND	VND
	Chi phí nhân viên	7.363.224.627	7.385.713.903
	Chi phí dụng cụ, đồ dùng	24.131.667	15.468.182
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.971.226.890	4.710.457.594
	Các chi phí bán hàng khác	3.930.324.500	3.637.428.410
		<u>16.288.907.684</u>	<u>15.749.068.089</u>
6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp			
		2015	2014
		VND	VND
	Chi phí nhân viên quản lý	2.018.023.173	3.606.332.858
	Chi phí đồ dùng văn phòng	30.876.609	-
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	140.087.580	158.277.360
	Thuế, phí và lệ phí	698.069.672	520.567.624

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

	2015 VND	2014 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.208.489.565	1.593.228.898
Các chi phí bằng tiền khác	3.850.994.632	3.187.362.191
	8.946.541.231	9.065.768.931

6.7 Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND
Lãi thanh lý tài sản cố định	-	3.476.470.866
<i>Trong đó:</i>		
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	6.727.272.727
- Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý	-	(3.250.801.861)
Bán phế liệu	16.000.000	62.162.834
Các khoản thu nhập khác	151.975.264	327.484.937
	167.975.264	3.866.118.637

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.835.892.271	9.362.631.878
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(936.263.188)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.835.892.271	8.426.368.690
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.370.510	4.370.510
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.793	1.928

6.9 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.712.378.337	19.823.064.200
Chi phí nhân công	9.381.247.800	9.355.195.814
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.116.314.470	4.868.734.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.208.489.565	
Chi phí khác	8.479.388.804	8.938.587.123
	40.897.818.976	42.985.582.091

7 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá trị ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu, chi phí thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Các khoản vay và nợ	1.730.006.550	1.606.000.000	3.336.006.550
Phải trả người bán	622.756.078	-	622.756.078
Chi phí phải trả	211.831.659	-	211.831.659
	2.564.594.287	1.606.000.000	4.170.594.287
Ngày 01 tháng 01 năm 2015			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	718.456.777	-	718.456.777
Chi phí phải trả	697.241.630	-	697.241.630
	1.415.698.407	-	1.415.698.407

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp nhà cửa vật kiến trúc, đất đai của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.6 và 5.7).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2015 và 31/12/2014.

iii. Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 01 tháng 01 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 01 tháng 01 năm 2015
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản phải thu				
Phải thu bên thứ ba	747.639.051	1.046.623.658	747.639.051	1.046.623.658
Phải thu các bên liên quan	3.439.424.154	2.349.955.446	3.439.424.154	2.349.955.446
Các khoản phải thu khác	207.641.317	43.499.800	207.641.317	43.499.800
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Đầu tư dài hạn khác	9.552.975.886	9.552.975.886	9.552.975.886	9.552.975.886
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.422.840.953	5.682.123.403	2.422.840.953	5.682.123.403
	15.622.882.310	18.675.178.193	15.622.882.310	18.675.178.193
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	3.336.006.550	-	3.336.006.550	-
Phải trả người bán	622.756.078	718.456.777	622.756.078	718.456.777
Chi phí phải trả	211.831.659	697.241.630	211.831.659	697.241.630
	4.170.594.287	1.415.698.407	4.170.594.287	1.415.698.407

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014. Ban Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

8 CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Công ty mẹ, các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

8.1.1 Giao dịch và số dư với Công ty mẹ

Giao dịch với công ty mẹ

	2015 VND	2014 VND
Cung cấp dịch vụ vận chuyển	32.406.779.802	42.310.379.083
Trả cổ tức	4.457.910.400	2.228.956.000
Bồi thường hàng thiếu	1.991.108.962	3.429.450.765

Số dư của Công ty mẹ

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ vận chuyển	3.439.424.154	2.349.955.446
Phải trả cổ tức	-	1.337.372.000

8.1.2 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	2015 VND	2014 VND
Nhận cổ tức	28.071.400	32.081.600

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Không có các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2015 VND	2014 VND
Tiền lương, thưởng	840.100.000	842.000.000
Tiền thù lao	184.500.000	290.100.000
	1.024.600.000	1.132.100.000

8.1.3 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

8.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh đường và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

8.3 Số liệu so sánh

8.3.1 Áp dụng chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

8.3.2 Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi chính sách kế toán.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Số liệu đã	Điều chỉnh	Số liệu trình
		trình bày VND	tăng/ (giảm) VND	bày lại VND
Phải thu ngắn hạn khác	136	43.499.800	939.512.383 (i)	983.012.183
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155	939.512.383	(939.512.383) (i)	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	-	848.660.519 (ii)	848.660.519
Phải trả ngắn hạn khác	319	1.338.493.549	428.374.492 (ii)	1.766.868.041
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	10.735.159.364	(1.277.035.011) (ii)	9.458.124.353
Quỹ đầu tư phát triển	418	6.598.174.875	3.074.935.995 (i)	9.673.110.870
Quỹ dự phòng tài chính		3.074.935.995	(3.074.935.995) (i)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Số liệu đã trình bày VND	Điều chỉnh tăng/ (giảm) VND	Số liệu trình bày lại VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Thu nhập khác	31	7.116.920.498	(3.250.801.861) (i)	3.866.118.637
Chi phí khác	32	3.286.159.440	(3.250.801.861) (i)	35.357.579
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.142	(214) (i)	1.928

(i) Phân loại lại

(ii) Tiền thuế, tiền phạt của các năm trước

8.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Clal



LÊ THỊ THANH
Người lập biểu

LÊ THỊ THANH
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG QUÂN
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

	trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH BỔ SUNG KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Trụchất minh báo cáo tài chính	12 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27 tháng 10 năm 2004.

Trong quá trình hoạt động có sự thay đổi về vốn của Công ty đã được chuẩn y tại giấy phép đầu tư số 5103000024 ngày 30 tháng 04 năm 2007, số 5103000024 ngày 17 tháng 01 năm 2008. Do thêm ngành nghề kinh doanh Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 5 số 1400475345 ngày 07 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 6 số 1400475345 ngày 06 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần 7 số 1400475345 ngày 25 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, P. Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Điện thoại : 067 3 877 012
- Fax : 067 3 877 029

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán xăng dầu, nhớt.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 tổng số nhân viên của Công ty là 100 người (31/12/2014: 98 người).

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm/ từ nhiệm
Bà Lê Thị Hồng	Chủ tịch	Ngày 24 tháng 06 năm 2015	
Ông Trần Văn Sơn	Chủ tịch	Ngày 21 tháng 04 năm 2016	Ngày 24 tháng 06 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch		Ngày 21 tháng 04 năm 2016
Bà Ngô Thị Xuân Nữ	Phó Chủ tịch	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Ông Huỳnh Văn Thành	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Ông Nguyễn Ngọc Thới	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Ông Nguyễn Đức Vượng	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Ông Nguyễn Hoàng Quân	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Ông Mai An Mỹ	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng	Trưởng ban	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	
Bà Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	Ngày 25 tháng 04 năm 2014	